TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2022
"V/v Ly hôn,".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thu Hương;

Ông Bế Văn Sự.

Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 85/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, về việc: *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu B, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Dương Thị H2, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu B1, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày: anh và chị H2 được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có sự cưới hỏi, chứng kiến của hai bên gia đình theo phong tục truyền thống.

Ngày 27/02/2007 cả hai anh chị được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian đầu sinh sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2010 - 2011 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không còn ai muốn vun vén gia đình, tình cảm vợ chồng vì tính cách, quan điểm sống không còn hòa hợp nên không ai còn ý định hàn gắn tình cảm. Đến tháng 5/2011 anh T chuyển về quê tại Khu B, thị trấn H, huyện H1, tỉnh Thái Bình, làm ăn sinh sống, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn yêu thương chăm sóc ai, anh T tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để anh có cơ hội xây dựng cuộc sống mới. Về con chung: Vợ chồng anh, chị chung sống với nhau không có con chung, cũng vì chung sống với nhau không có con chung, sống không có tương lai do vậy phát sinh mâu thuẫn. Về tài sản, vay nợ, công sức, đất canh tác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với Dương Thị H2. Quá trình giải quyết vụ án chị H2 dù biết việc anh T yêu cầu xin ly hôn nhưng đều vắng mặt không có lý do, anh T cũng làm đơn không yêu cầu Tòa án hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải và đã làm đầy đủ các thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 8, 9, 51 khoản 2 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 228; 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của anh Trần Văn T được ly hôn với chị Dương Thị H2. Về con chung, tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết; anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn chị Dương Thị H2 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu B1, thị trấn T1, huyện T2. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì hiện nay đang bị cách ly bởi dịch bệnh Covid-19. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Trần Văn T và bị đơn chị Dương Thị H2 theo thủ tục chung.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp "Hôn nhân và gia đình", do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Trần Văn T và chị Dương Thị H2 tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và phù hợp với Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án anh T, chị H2 xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Trần Văn T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H2.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần chị H2 đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã niêm yết các văn bản Tố tụng theo quy định của pháp luật và anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh tại nhà bà Tải Thị V là mẹ đẻ của Dương Thị H2 đã xác định: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định triệu tập chị Dương Thị H2 bà đều nhận được và thông báo cho chị H2 biết việc ly hôn của chồng nhưng chị H2 không đến Tòa án để giải quyết; mẹ của chị H2 cũng xác định vợ chồng anh Trần Văn T, chị Dương Thị H2 sống với nhau không có con chung, do đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nay chị H2 nhất trí ly hôn với anh Trần Văn T.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng do không có con chung dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, xử cho Trần Văn T được ly hôn chị Dương Thị H2.

[8] Về con chung: Vợ chồng anh, chị không có con chung, con riêng.

[9] Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức; đất canh tác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và phù hợp với Điều 8 Điều 9; Điều 51; khoản 2 Điều 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 228; 238; 271; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn T, xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Dương Thị H2.

2. Về con chung, con riêng: Không có.

3. Về tài sản chung; vay nợ; công sức; đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006281 ngày 26/11/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận Anh Trần Văn T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn,
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiển

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
Nông Thị Hồng Thắm	**Bế Văn Sự**	**Bàn Văn Tiển**

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn,
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định.
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND thị trấn T1, huyện Tràng Định.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiển